

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2025/KDTM-PT**

Ngày: 12 – 02 – 2025.

V/v tranh chấp hợp đồng

Thi công san lấp mặt bằng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Mai Thị Thanh Tú

Các Thẩm phán:

1/ Bà Hoàng Thị Bích Thảo.

2/ Bà Ngô Thị Phúc Hảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 191/KDTM-PT ngày 02/10/2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng thi công san lấp mặt bằng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1157/2025/QĐXX-KDTM ngày 11/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Thương mại M
Trụ sở: Số 213/20 N, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn:

Ông K

Địa chỉ liên hệ: C19.13 Chung cư L – 58 Đường số M, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 10/5/2023)

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đ

Trụ sở: Số 81 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6 (nay là Phường Võ Thị Sáu), Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn:

Ông Lê Quang T, sinh năm 1985.

(Theo Giấy ủy quyền số 1789/GUQ/XLD92-TCHC ngày 21/11/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Quốc Th- Luật sư Công ty Luật TNHH H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2017, Đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 20/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Thương mại M (gọi tắt là Công ty M) có ông Thiệu Bá K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/6/2013, Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Thương mại M (gọi tắt là Công ty M) và Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đ (gọi tắt là Công ty Xây lắp Đ) có ký Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT.13 thực hiện cung cấp cát san lấp với giá trị hợp đồng là: $19.000\text{m}^3 \times 135.000\text{đ/m}^3 = 2.565.000.000$ đồng.

Ngày 17/12/2013, hai Công ty tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng thi công san lấp nâng cao mặt bằng với giá trị phụ lục là: $8.000\text{m}^3 \times 150.000\text{đ/m}^3 = 1.200.000.000$ đồng.

Ngày 09/5/2014, Công ty Xây lắp Đ yêu cầu Công ty M tiếp tục ký Hợp đồng mới và Công ty M gửi báo giá với số lượng là: $1.412\text{m}^3 \times 175.000\text{đ/m}^3 = 247.100.000$ đồng và đã được Công ty Xây lắp Đ đồng ý.

Thực hiện theo Hợp đồng ký ngày 25/6/2023, Công ty M thực hiện và được nghiệm thu thanh toán với khối lượng là: $18.949.57\text{m}^3 \times 135.000\text{đ/m}^3 = 2.558.192.000$ đồng.

Thực hiện theo Phụ lục 01 ký ngày 17/12/2013, Công ty M thực hiện và được nghiệm thu thanh toán đợt 1 với khối lượng là: $5.040,43\text{m}^3 \times 150.000\text{đ/m}^3 = 756.064.500$ đồng.

Thực hiện theo Phụ lục 01 ký ngày 17/12/2013, Công ty M đã được nghiệm thu và thanh toán được $5.040,43\text{m}^3$ còn khối lượng chưa thanh toán là: $2.376,57\text{m}^3 \times 150.000\text{đ/m}^3 = 356.485.500$ đồng.

Thực hiện theo biên bản báo giá và giấy mời nghiệm thu hoàn thành san lấp cát ngày 15/7/2014 với khối lượng là: $1.412\text{m}^3 \times 175.000\text{đ/m}^3 = 247.100.000$ đồng.

Tiền bảo hành Công ty Xây lắp Đ còn giữ chưa trả là: 373.808.285 đồng

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại, căn cứ Điều 11 Nghị quyết 01/2019, căn cứ Án lệ 09/2016 Quy định về áp dụng lãi suất nợ quá hạn tại các Ngân hàng với mức lãi suất 11%/năm.

1. Số tiền còn nợ theo Phụ lục Hợp đồng là: 356.485.500 đồng tính từ ngày 01/01/2017 đến 24/10/2023 tạm tính là 81 tháng:

$$356.485.500 \times 11\% \times 81/12 = 264.690.483 \text{ đồng.}$$

2. Số tiền còn nợ theo Hợp đồng ngày 09/5/2014 là: 247.100.000 đồng tính từ ngày 01/01/2017 đến 24/10/2023 tạm tính là 81 tháng:

$$247.100.000 \times 11\% \times 81/12 = 183.471.750 \text{ đồng.}$$

3. Số tiền bảo hành còn nợ là: 373.808.285 đồng tính từ ngày 02/01/2016 đến 24/10/2023 tạm tính là 93 tháng:

$$373.808.285 \times 11\% \times 93/12 = 318.671.592 \text{ đồng}$$

Tổng số tiền gốc chưa thanh toán là: $356.485.500 + 247.100.000 + 373.808.285 = 977.393.785$ đồng.

Tổng số tiền lãi phát sinh là: $264.690.483 + 183.471.750 + 318.671.592 = 766.833.825$ đồng.

Tổng gốc và lãi là: $977.393.785 + 766.833.825 = 1.744.227.610$ đồng

Do đó, đề nghị Công ty Xây lắp Đ thanh toán số tiền nợ còn lại và tiền lãi theo quy định pháp luật tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đ trình bày:

Tại Văn bản số 349/XLĐ2-TCKT ngày 13/4/2023 của Công ty Xây lắp Đ gửi TAND Quận 3 về việc trình bày ý kiến theo nội dung Thông báo (bổ sung) về việc thụ lý vụ án số 1507.1/TB-TLVA ngày 04/4/2023 như sau:

- Đến thời điểm hiện tại, theo sổ sách của Công ty Xây lắp Đ ghi nhận thì Công ty chúng tôi còn giữ lại số tiền chưa thanh toán cho Công ty M là 373.808.285 (*Ba trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm lẻ tám ngàn, hai trăm tám mươi lăm*) đồng.

- Số tiền giữ lại trên chưa thanh toán do Công ty M chưa làm quyết toán giá trị khối lượng hoàn thành với Công ty chúng tôi theo như Điều 2 của hợp đồng đã ký kết.

- Các khoản tiền: Cát san lấp phát sinh sau khi nghiệm thu và bàn giao công trình 247.114.000 (*Hai trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm mười bốn ngàn*) đồng, cát bùn 121.570.500 (*Một trăm hai mươi một triệu, năm trăm bảy mươi ngàn, năm trăm*) đồng và khối lượng 1.566m^3 cát với số tiền 192.190.482 (*Một trăm chín mươi hai triệu, một trăm chín mươi ngàn, bốn trăm tám mươi hai*) đồng, Công ty Xây lắp Đ không có các cơ sở như hợp đồng, PLHĐ, hóa đơn chứng từ, biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện và phiếu giá thanh toán. Vì vậy Công ty Xây lắp Đ không có căn cứ để thanh toán cho Công ty M các khối lượng và giá trị nêu trên.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/KDTM-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3 đã tuyên xử:***

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Thương mại M:

- Buộc Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đ phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Thương mại M số tiền 1.811.423.403 (*Một tỷ, tám trăm mười một triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm lẻ ba*) đồng làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó số tiền nợ gốc là 977.393.785 đồng (gồm 5% tiền bảo hành và 5% tiền chờ quyết toán là 373.808.285 đồng, tiền cát phát sinh theo báo giá ngày 09/5/2014 được nghiệm thu là 247.100.000 đồng, tiền cát (bù lún) theo Phụ lục số 01 ký ngày 17/12/2013 là 356.485.500 đồng) và tiền nợ lãi (tạm tính từ ngày hết hạn bảo hành là ngày 02/01/2016 đến 16/5/2024) là 834.029.618 đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Thương mại M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đ chậm thi hành án số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đ còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, lãi chậm thi hành án.

Ngày 10/7/2024 bị đơn Công ty Xây lắp Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa Phúc thẩm:**

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Nguyên đơn – Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Thương mại M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đ xác định yêu cầu kháng cáo là hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm không triệu tập những người giám sát công trình vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa ngày 19/12/2024 bị đơn Công ty xây lắp Đ thay đổi yêu cầu kháng cáo là sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M đối với số tiền 247.100.000 đồng và 356.485.500 đồng, đối với số tiền bảo hành 373.808.285 đồng Công ty Xây lắp Đ đồng ý trả cho Công ty M.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Xây lắp Đ phân tích và đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Xây lắp Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M đòi Công ty Xây lắp Đ trả số tiền 247.100.000 đồng và 356.485.500 đồng, đối với số tiền bảo hành 373.808.285 đồng Công ty Xây lắp Đ đồng ý trả cho Công ty M.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng,

những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn Công ty Xây lắp Đ là có cơ sở, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Xây lắp Đ về phần tiền cát phát sinh và cát bù lún là không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M nên sửa 01 phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Xây lắp Đ còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT ngày 25/6/2013, giữa Công ty M và Công ty Xây lắp Đ về việc cung cấp cát san lấp, theo đó, hai bên có thỏa thuận, bên B (Công ty M) thi công phần san lấp mặt bằng Trạm 500KV – Trạm Cầu Bông huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh do Ban Quản lý Dự án các công trình Điện Miền Trung làm Chủ đầu tư với khối lượng cát san lấp tạm tính là 19.000m³ (chặt) đạt độ chặt K=0,95 đơn giá 135.000 đồng/m³ (đã bao gồm 10% thuế GTGT) thời gian thực hiện là 60 ngày kể từ ngày khởi công.

Căn cứ Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 17/12/2013, giữa Công ty M và Công ty Xây lắp Đ về việc thi công san lấp nâng cao mặt bằng với nội dung: “Bên B (Công ty M) tiếp tục nhận thi công san lấp mặt bằng phần nâng cao độ lên thêm 0,5m tại hạng mục ngăn xuất tuyến Trạm 500KV Cầu Bông nói trên với khối lượng tạm tính là 8.000m³ (chặt) đạt độ chặt K=0,95 với đơn giá là 150.000 đồng/m³. Thời gian thực hiện là 14 ngày kể từ ngày khởi công.

Công ty M khởi kiện yêu cầu Công ty Xây lắp Đ trả các khoản tiền sau: số tiền nợ gốc còn lại là 373.808.285 đồng; tiền cát phát sinh theo báo giá ngày 09/5/2014 được nghiệm thu là 247.100.000 đồng; tiền cát (bù lún) theo Phụ lục số 01 ký ngày 17/12/2013 là 356.485.500 đồng) và tiền nợ lãi (tạm tính từ ngày hết hạn bảo hành là ngày 02/01/2016 đến 16/5/2024).

Xét, yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Xây lắp Đ là sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M đối với số tiền 247.100.000 đồng và 356.485.500 đồng do Công ty M không có hợp đồng, phụ lục hợp đồng,

hóa đơn chứng từ, biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện và phiếu thanh toán. Do vậy Công ty Xây lắp Đ không có căn cứ để thanh toán cho Công ty M; Đối với số tiền bảo hành 373.808.285 đồng Công ty Xây lắp Đ đồng ý trả cho Công ty M - HĐXX nhận thấy:

* Về số tiền nợ gốc 373.808.285 đồng:

Căn cứ các Thư xác nhận công nợ ngày 31/12/2015, 31/3/2016 và 09/01/2017 cùng lời xác nhận của Công ty Xây lắp Đ tại Văn bản số 349/XLĐ2-TCKT ngày 13/4/2023 thể hiện Công ty Xây lắp Đ còn nợ số tiền 373.808.285 (*Ba trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm lẻ tám ngàn, hai trăm tám mươi lăm*) đồng chưa thanh toán cho Công ty M, xét thấy, tại phiên tòa ngày 12/02/2025 đại diện theo ủy quyền của Công ty Xây Lắp Đ đồng ý trả số tiền 373.808.285 đồng cho Công ty M do vậy, yêu cầu này của Công ty M là có cơ sở để chấp nhận.

* Về việc yêu cầu Công ty Xây lắp Đ phải trả số tiền cát phát sinh theo Báo giá ngày 09/5/2014 là 247.100.000 đồng:

Tại Biên bản cuộc họp ngày 16/6/2014 giữa Công ty M và Công ty Xây lắp Đ liên quan đến hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT ngày 25/6/2013 thể hiện: *“Hai bên cùng bàn bạc và thống nhất nội dung sau: Bên B (Công ty M) phải khắc phục, bổ sung và hoàn tất mọi tồn tại còn lại của hạng mục bù lún, nâng cao nền trạm, tầng lọc ngược... trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên A (Công ty Xây Lắp Đ) chuyển tiền, bên B phải cung cấp cho bên A các biên bản xác nhận xóa tồn tại của Chủ đầu tư tư vấn giám sát.”*

Tại Văn bản số 1254/CV-KT ngày 23/6/2014 do Công ty Xây lắp Đ gửi cho các đơn vị thi công trong đó có Công ty M yêu cầu các đơn vị thi công xóa tồn tại và nộp biên bản xóa tồn tại về phòng kỹ thuật Công ty Xây lắp Đ trước ngày 28/6/2014, cụ thể: *“Công ty M: San lấp mặt bằng (phần bù lún), Mái taluy hàng rào”*.

Theo Công ty M thì tại văn bản số 09/CVMP.14 ngày 09/5/2014 của Công ty M gửi cho Công ty Xây lắp Đ thể hiện: *“Theo yêu cầu của Quý Công ty về việc bổ sung cát san lấp cho đủ cao trình thiết kế (mặt bằng bị lún thêm 19cm kể từ lúc bàn giao ngày 02/01/2014). Nay Công ty M báo giá cát san lấp hiện nay để thực hiện việc bổ sung như trên là 175.000 đồng/m³ chặt. Giá chưa có thuế GTGT.”*

Tuy nhiên, tại Văn bản số 15/CV.MP.14 ngày 14/7/2014 của Công ty M gửi Công ty Xây lắp Đ thể hiện: *“Đến nay Công ty M đã hoàn thành công việc sửa chữa mái taluy và bù lún tại trạm ngăn xuất tuyến Cầu Bông. Đề nghị Quý Công ty nghiệm thu vào lúc 9h ngày thứ năm 17/7/2014.”*

Tại Biên bản làm việc ngày 17/7/2014 giữa đại diện tư vấn giám sát- Công ty truyền tải Đ4 và Công ty Xây lắp Đ thể hiện: *“Kết luận: Đồng ý nghiệm thu xóa tồn tại hạng mục san lấp mặt bằng và đắp hoàn thiện mái taluy.”*

Mặt khác, tại biên bản làm việc ngày 06/01/2025 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông Bùi Thế Mạnh trình bày: *“Ngày 17/7/2014 ông là đại diện*

của tư vấn giám sát truyền tải Đ- Công ty truyền tải Đ4 có biên bản làm việc với đại diện đơn vị thi công- Công ty TNHH MTV xây lắp Đ để tiến hành kiểm tra hiện trường hạng mục san lấp bổ sung theo biên bản kiểm tra hiện trường, kiểm tra cao độ san lấp cát ngày 28/4/2014. Theo đó, hạng mục san nền đã được nghiệm thu chuyển giai đoạn để thi công các hạng mục tiếp theo. Sau khi công trình hoàn thành thì hạng mục san nền bị lún, do vậy chủ đầu tư yêu cầu đơn vị thi công (Công ty Đ) san lấp mặt bằng xóa tồn tại cho đúng với cao độ thiết kế (2,72m) theo bản vẽ thiết kế (nằm trong phạm vi bảo hành công trình.)”

Đồng thời, tại cấp phúc thẩm, Công ty Truyền tải Đ4- Tổng Công ty truyền tải Đ đã có Văn bản số 222/PTC4-KTTTPC ngày 20/01/2025 có ý kiến gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “*Quá trình tư vấn giám sát thi công hạng mục Mở rộng ngăn lộ 500KV tại Trạm 500KV Cầu Bông thuộc Dự án Đường dây 500KV Pleiku- Mỹ Phước – Cầu Bông, PTC4 làm việc với đại diện Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung và đơn vị thi công theo thông báo của đại diện chủ đầu tư là Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đ, PTC4 không biết và cũng không liên quan đến hợp đồng giữa Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đ và Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Thương mại M.*”

Nhận thấy, Công ty M không xuất trình được hợp đồng, phụ lục hợp đồng, hóa đơn chứng từ, biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện và phiếu thanh toán đối với phần cát phát sinh như Công ty M trình bày, các văn bản của Công ty M gửi cho Công ty Xây lắp Đ đều thể hiện Công ty M đã hoàn thành công việc sửa chữa mái taluy và bù lún, do vậy Công ty Xây lắp Đ không đồng ý thanh toán số tiền cát phát sinh là 247.100.000 đồng cho Công ty M là có cơ sở. Án sơ thẩm nhận định căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 17/7/2014 giữa đại diện tư vấn giám sát- Công ty truyền tải Đ4 và Công ty Xây lắp Đ để cho rằng Công ty M đã hoàn thành cung cấp cát bổ sung đạt cao trình theo yêu cầu với khối lượng: $7.432\text{m}^2 \times 0,19\text{m} = 1.412\text{ m}^3$, thành tiền 247.100.000 đồng và đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của Công ty M là không có cơ sở. Do đó, sửa 01 phần bản án sơ thẩm về yêu cầu này của Công ty M là không chấp nhận yêu cầu này của Công ty M.

* Đối với yêu cầu Công ty Xây lắp Đ phải trả số tiền cát (bù lún) theo Phụ lục số 01 ký ngày 17/12/2013 là 356.485.500 đồng – HĐXX nhận thấy:

Theo các biên bản kiểm tra độ lún kết quả như sau:

- Ngày 14/10/2013, kiểm tra độ lún lần 1 kết quả xác định độ lún trung bình là 0,251m;
- Ngày 15/11/2013, kiểm tra độ lún lần 2 kết quả xác định độ lún trung bình là 0,385m;
- Ngày 02/01/2014, kiểm tra độ lún lần 3 kết quả xác định độ lún trung bình là 0,418m.

Như vậy tính đến ngày nghiệm thu bàn giao mặt bằng (02/01/2014) cho Bị đơn thì độ lún trung bình được các bên xác định là 0,418m (Độ lún thực tế thấp hơn độ lún theo dự tính $0,49\text{m} - 0,418\text{m} = 0,072\text{m}$). Diện tích công trình là $7.448\text{m}^2 \times 20\% \times 0,49 = 730\text{m}^3$.

Tổng cộng của 3 Đợt nghiệm thu là 23.990 m^3 , trong đó: Nghiệm thu Đợt 1: $14.343,29\text{m}^3$; Nghiệm thu Đợt 2: $4.606,28\text{m}^3$; Nghiệm thu Đợt 3: $5.040,43\text{m}^3$

Khối lượng cát san lấp theo thiết kế là 24.008m^3 nhưng khối lượng cát san lấp được nghiệm thu là 23.990m^3

Như vậy, việc Công ty M yêu cầu Công ty Xây lắp Đ phải thanh toán tiếp cho Công ty M 80% khối lượng cát bù lún còn lại là $2.376,57\text{m}^3$ thì không được các bên nghiệm thu khối lượng thực tế mà Công ty M chỉ căn cứ vào Biên bản hiện trường quan trắc lần 3 ngày 02/01/2014 thể hiện là độ lún 0,418m, nhưng biên bản này là biên bản nội bộ của Công ty Xây lắp Đ không phải là biên bản nghiệm thu khối lượng cát san lấp.

Mặt khác, căn cứ Hồ sơ Bản vẽ thiết kế mặt bằng san nền của Công ty CP tư vấn xây dựng Đ (đính kèm Công văn 3697/TV2-TLĐ ngày 11/4/2013) đã thể hiện khối lượng san lấp phần trạm là 24.008m^3 , Bù lún tạm tính bằng 20% độ lún tổng cộng ($20\% \times 49\text{cm}$): 730m^3 . Như vậy, độ lún cho phép là 20% của 49cm, nhưng thực tế theo Biên bản hiện trường quan trắc lần 3 ngày 02/01/2014, kết quả xác định độ lún trung bình là 0,418m còn nhỏ hơn độ lún cho phép là 0,49m, nếu độ lún này lớn hơn 0,49m thì độ lún của tổng thể mặt bằng phải thay đổi do độ lún tăng lên khi đó mặt bằng sẽ cao hơn 2,77m sẽ không phù hợp với bản thiết kế. Bên cạnh đó, theo bản vẽ thiết kế thì tổng khối lượng cát san lấp là 24.008m^3 , tổng khối lượng cát mà Công ty M san lấp đã được các bên xác nhận nghiệm thu và thanh toán là 23.990m^3 là phù hợp với Bản vẽ thiết kế.

Như vậy, Công ty M không xuất trình được hợp đồng, phụ lục hợp đồng, hóa đơn chứng từ, biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện đối với phần cát bù lún như Công ty M trình bày nên không có cơ sở để HĐXX chấp nhận. Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu này của Công ty M là không đúng. Do đó, sửa 01 phần án sơ thẩm về phần này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận kháng cáo của Công ty Xây lắp Đ, do án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần tiền cát phát sinh và cát bù lún là không đúng nên sửa án sơ thẩm về phần này, đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

* Về tiền nợ lãi do chậm thanh toán:

Tại Tòa đại diện Công ty M xác định yêu cầu Công ty Xây lắp Đ thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán công nợ thời hạn tính lãi từ ngày hết hạn bảo hành ngày 07/01/2016 cho đến khi xét xử ngày 16/5/2024, với mức lãi suất 11%/năm là thấp hơn mức lãi suất 03 Ngân hàng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín;

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ($14.25\%/năm + 14.025\%/năm + 12.375\%/năm = 13.55\%/năm$) là có lợi cho Công ty Xây lắp Đ, nghĩ nên chấp nhận về mức lãi suất.

Về thời gian yêu cầu tính lãi, Công ty M yêu cầu tính lãi từ ngày 07/01/2016 là không có cơ sở, bởi lẽ như đã nhận định ở phần trên thì ngày 17/7/2014 Công ty M thực hiện việc xóa tồn tại theo Văn bản số 1254/CV-KT ngày 23/6/2014 của Công ty Đ, cụ thể “đã xóa tồn tại hạng mục san lấp mặt bằng và đắp hoàn thiện mái ta-luy” nên việc Công ty M yêu cầu tính lãi từ ngày 07/01/2016 là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên không có cơ sở để HĐXX chấp nhận. Mặt khác, tại biên bản bàn giao công trình hoàn thành ngày 31/8/2014 thể hiện công trình được bàn giao ngày 31/8/2014. Như vậy, có cơ sở để HĐXX tính lãi từ ngày 01/9/2016 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 16/5/2024 (92 tháng 15 ngày), cụ thể:

$373.808.285 \text{ đồng} \times 11\% \times 92 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 316.958.274 \text{ đồng}.$

Tổng cộng: $373.808.285 \text{ đồng} + 316.958.274 \text{ đồng} = 690.766.559 \text{ đồng}.$

[5] Về án phí phúc thẩm: Do sửa 01 phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty Xây lắp Đ được chấp nhận nên Công ty Xây lắp Đ không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty M phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 45.619.705 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Căn cứ Điều 24, 56, 306 Luật Thương mại;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đ.

Sửa 01 phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2024/KDTM-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Thương mại M.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đ phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Thương mại M số tiền nợ gốc 373.808.285 đồng và tiền lãi là 316.958.274 đồng. Tổng cộng là 690.766.559 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Thương mại M về việc yêu cầu Công ty Xây lắp Đ trả số tiền cát phát sinh theo Báo giá ngày 09/5/2014 được nghiệm thu là 247.100.000 đồng và số tiền cát (bù lún) theo Phụ lục số 01 ký ngày 17/12/2013 là 356.485.500 đồng và số tiền lãi 517.071.344 đồng. Tổng cộng là 1.120.656.844 đồng.

3. Về án phí:

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 31.630.662 đồng.

- Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Thương mại M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 45.619.705 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Thương mại M đã nộp là 18.860.975 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019789 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3; và số tiền 8.630.286 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008295 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

Buộc Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Thương mại M phải nộp thêm số tiền là 18.128.444 đồng.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021409 ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.3;
- Chi cục THADS Q.3;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Tú

